**Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu**

| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC** | **Thời hạn GQ** | **Địa điểm thực hiện** | **Cơ quan thực hiện** | **Phí thẩm định hồ sơ cấp GCN QSDĐ** | **Lệ phí cấp GCNQSDĐ, QSHN, TSGLVĐ** | **Căn cứ pháp lý**(Sửa đổi, bổ sung)[[1]](#footnote-1) | **Ghi chú[[2]](#footnote-2)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trực tiếp** | **Trực tuyến** | **Trực tiếp** | **Trực tuyến** |
| 1 | 2.000983 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu. | Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. | Nộp hồ sơ theo 03 hình thức:- Nộp trực tiếp:+ Đối với hồ sơ tổ chức: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.- Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND các huyện, thành phố.- Nộp trực tuyến qua cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chi: https://dichvucong.dongnai.gov.vn.- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. | (1) UBND tỉnh cấp tỉnh(2) UBND cấp huyện | **\* Đối với hồ sơ tổ chức:**+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 1.000.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.450.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.650.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 40.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.**\* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:**+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 690.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 770.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 980.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận câp thêm cho người đồng sử dụng thu 40.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng | **\* Đối với hồ sơ tổ chức**:+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 950.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 1.377.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 1.567.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với các dự án có nhiều thửa đất, giấy chứng nhận từ thửa thứ hai thu 38.000 đồng/giấy chứng nhận/thửa đất.**\* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:**+ Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 655.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 731.500 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận đối với cả đất và tài sản gắn liền với đất: 931.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.Trường hợp một thửa đất có nhiều hộ gia đình, cá nhân đồng sử dụng thì phải cấp cho mỗi người đồng sử dụng một giấy chứng nhận, mỗi giấy chứng nhận câp thêm cho người đồng sử dụng thu 38.000 đồng/GCN/người đồng sử dụng | **\* Đối với hồ sơ tổ chức:** - Cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.+ Cấp giấy chứng nhận về tài sản: 500.000 đồng/hồ sơ/thửa/GCN.**\* Đối với hồ sơ hộ gia đình, cá nhân:**- Trường hợp đất thuộc các phường thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 25.000 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 100.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất).- Trường hợp đất thuộc các xã, thị trấn các huyện; các xã thuộc thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa: 12.500 đồng/giấy (chỉ có quyền sử dụng đất); 50.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản gắn liền với đất). | Miễn giảm 100% theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 đối với hồ sơ tổ chức và hộ gia đình, cá nhân. | - Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014;- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020;- Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014; - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015;- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(sửa đổi bổ sung tại Thông tư 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021);**- Thông tư số 14/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023.* | Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3873/QĐ-BTNMT ngày 15/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường |

**2. Chi tiết thủ tục**

<https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=3274&open_popup=1>

1. *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (*[*https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh.htm*](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh.htm)*)* [↑](#footnote-ref-2)